

**TAND HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ – ST
Ngày 20/6/2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và cấp dưỡng nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Toại;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tấn Ba và ông Bùi Quốc Thìn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2019/TLST – HNGĐ, ngày 19/12/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST – HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Ngọc D, sinh năm 1993;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn T, sinh năm 1981;

Cùng cư trú tại: Xóm H, thôn Th, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị D và anh T đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2019 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Chị Trần Ngọc D trình bày và yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Nguyễn T có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 20/01/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được 01 tháng, sau đó về sinh sống tại xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, khi chị đang mang thai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do chị không đi làm được nên anh T uống rượu kiếm có gây chuyện và đánh đập chị nhiều lần, có lần ức chế tâm lý, dồn nén

khi bị anh T đánh đập nên chị có dùng chống trả gây thương tích cho anh T. Vợ chồng sinh sống tại xã B được một thời gian thì anh T tiếp tục đuổi chị ra khỏi nhà, chị âm con bỏ đi về quê tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì anh T vào xin lỗi, vì con chung nên chị bỏ qua về chung sống với anh T. Đến năm 2015, chị sinh đứa con thứ hai, anh T không những không thay đổi mà ngày càng tệ bạc hơn, anh T làm thợ hồ sáng đi sớm tối về say xỉn kiếm chuyện, ngồi nói nhảm suốt đêm không cho chị nghỉ ngơi. Đến lúc chị mang thai đứa con thứ 3 thì anh T ghen tuông vô cớ và không thừa nhận là con chung của anh dẫn đến chị buộc phải phá thai; gần 01 năm nay anh T đi làm không đưa tiền cho chị lo cho con cái và gia đình. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu giải quyết ly hôn với Anh Nguyễn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trần Phương L, sinh ngày 02/11/2010 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/11/2015, hiện hai con đang sống với vợ chồng chị. Khi ly hôn, chị D yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 02 con, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho mỗi con là 1.500.000đồng.

Về công việc và thu nhập: Chị đang làm nghề nông tại xã B, thu nhập bình quân mỗi năm khoảng 50.000.000đồng.

Về tài sản chung: Chị D chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Không có.

Tại phiên tòa, chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên và không yêu cầu gì thêm.

Ý kiến đề nghị lập luận của bị đơn Anh Nguyễn T tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 18/12/2019, như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn T thống nhất lời trình bày của Chị Trần Ngọc D về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Tuy nhiên, vì anh làm nghề thợ hồ nên cuối giờ làm buổi chiều thường hay uống bia, rượu dẫn đến chị T hay cãi nhằn và vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh thừa nhận, khi có men bia, rượu thì anh hay nói nhảm, những lúc như vậy thì anh không kiềm chế được bản thân dẫn đến nhiều lần có hành vi đánh chị T nhưng không gây thương tích gì. Anh thừa nhận từ tháng 7/2019 cho đến nay anh đi làm không đưa tiền cho chị T lo cho gia đình mà anh tích góp riêng phòng những lúc ốm đau. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh muốn vợ chồng được đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về giao nuôi con: Anh Nguyễn T công nhận vợ chồng có 02 con chung như chị D trình bày trên là đúng. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Trần Phương L và Nguyễn Gia H, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về công việc và thu nhập: Anh T làm nghề thợ xây, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh Tư chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ tài sản: Không có.

Tại phiên tòa, Anh Nguyễn T giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp giao 02 con chung chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng thì anh đồng ý mức cấp dưỡng 3.000.000đồng/tháng như chị D yêu cầu trên.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao cho Chị Trần Ngọc D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, vì anh T thường xuyên đi làm vắng nhà không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu L và cháu H, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng 1.500.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phản hồi của bị đơn:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Ngọc D và Anh Nguyễn T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự, quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định, mâu thuẫn giữa chị D và anh T là do anh T thường xuyên uống bia, rượu về nhà hay nói nhảm dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Anh T nhiều lần có hành vi bạo lực với chị D, không quan tâm, chăm lo cho gia đình, thu nhập anh có được đều được anh tích góp riêng để lo cho nhu cầu cá nhân. Theo quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng anh Tư không thực hiện nghĩa vụ của người chồng. Tại phiên tòa, anh T công nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng anh, chị là do lỗi của anh. Chị D cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Dung và anh Tư đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Chị Trần Ngọc D yêu cầu ly hôn Anh Nguyễn T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Chị Trần Ngọc D và Anh Nguyễn T có 02 con chung là Nguyễn Trần Phương Linh, sinh ngày 02/11/2010 và Nguyễn Gia H, sinh

ngày 14/11/2015, hiện hai con đang sống với vợ chồng. Chị D và anh T đều có yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung khi ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, qua làm việc với Anh Nguyễn T và bà Phạm Thị Minh A là mẹ đẻ Anh Nguyễn T đều xác định Anh Nguyễn T làm nghề thợ xây thường xuyên, đi làm cả ngày tối mới về, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh T không đảm bảo. Mặt khác, anh T thường hay uống rượu, mỗi khi uống rượu say hay nói nhảm, nếu giao con cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của con chung nên cần thiết phải giao 02 con chung cho Chị Trần Ngọc D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình và để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của các con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị Trần Ngọc D.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Xét thấy, tại phiên tòa Anh Nguyễn T đồng ý mức cấp dưỡng như chị D yêu cầu, nếu giao 02 con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử cần buộc Anh Nguyễn T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trần Phương L và Nguyễn Gia H, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng cho mỗi cháu 1.500.000đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

[2.4] *Về tài sản chung:* Anh, chị xác định tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] *Về nghĩa vụ tài sản chung:* Anh, chị xác định không có nghĩa vụ tài sản chung.

[2.5] *Về án phí:* Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc:

Chị Trần Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng chị được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Nguyễn T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[2.6] *Xét ý kiến của Kiểm sát viên:* Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 267, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ Luật tổ tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Ngọc D được ly hôn với Anh Nguyễn T.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1. Giao cháu Nguyễn Trần Phương L, sinh ngày 02/11/2010 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/11/2015 cho Chị Trần Ngọc D được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn.

2.2. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Buộc Anh Nguyễn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho cháu Nguyễn Gia H và cháu Nguyễn Trần Phương L, mức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng mỗi cháu là: 1.500.000đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*); tổng cộng: 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày 20/6/2020 cho đến khi cháu H và L đủ 18 tuổi. Chị Trần Ngọc D đại diện theo pháp luật cho cháu H và cháu L yêu cầu thi hành án về cấp dưỡng và nhận khoản tiền cấp dưỡng để nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các quy định khác của pháp luật liên quan.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. *Về tài sản chung*: Anh chị xác định tự thỏa thuận giải quyết và chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nghĩa vụ tài sản chung*: Không có.

5. *Về án phí*: Chị Trần Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là: 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ

xong tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu số AA/2018/000620, ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

6. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Chị Trần Ngọc D, Anh Nguyễn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2020).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Quang Toại

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tấn Ba

Bùi Quốc Thìn

Lê Quang Toại